

Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

Báo Cáo dựa trên Dữ Liệu từ Năm Học 2009–10

Công Bố trong Năm Học 2010–11

Theo luật, Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC), phải được công bố trước ngày 1 tháng Hai hàng năm. Tài liệu này có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về các quy định SARC trên Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, *DataQuest* là hệ thống cung cấp báo cáo để giải trình (ví dụ như Chỉ Số Kết Quả Học Tập của tiểu bang [API], Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu của liên bang [AYP]), dữ liệu khảo thí, sĩ số học sinh, số học sinh tốt nghiệp trung học, số học sinh bỏ học giữa chừng, sĩ số học sinh theo khóa học, số nhân viên, và dữ liệu liên quan tới các học viên tiếng Anh.

Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể là giờ hoạt động, độ dài thời gian có thể sử dụng máy (tùy thuộc vào tình trạng có sẵn), các dạng chương trình phần mềm có sẵn trên máy, và khả năng in ra tài liệu.

II. Về Trường này

Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2010-11)

Mục này cung cấp địa chỉ liên lạc của trường.

Trường		Khu Học Chánh	
Tên Trường	Yerba Buena High	Tên Khu Học Chánh	East Side Union High
Đường Phố	1855 Lucretia Ave.	Số Điện Thoại	408-347-5000
Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip	San Jose , CA 95122-3730	Trang Web	www.esuhdsd.org
Số Điện Thoại	408-347-4700	Giám Đốc Học Khu	Dan Moser
Hiệu Trường	Juan Cruz	Địa Chỉ Thư Điện Tử	moserd@esuhdsd.org
Địa Chỉ Thư Điện Tử	cruzjuan@esuhdsd.org	Mã Số CDS	43- 69427- 4330015

Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày thông tin về trường học. Đó là các mục tiêu và chương trình của trường.

Trường Trung Học Yerba Buena tiếp tục nỗ lực cống hiến cho mọi học sinh một nền giáo dục có phẩm chất. Tuy nhà trường không đạt chỉ tiêu về hạng điểm Chỉ Số Học Lực (API) nhưng cũng rất phấn khởi là đã đạt được 14 trên 22 tiêu chuẩn liên bang về hạng điểm Tiến Bộ Thoả Đáng Hàng Năm (AYP). Chúng tôi sử dụng những chương trình can thiệp khác nhau để giúp học sinh luyện Anh Văn và Toán với hy vọng rằng không những các em được điểm cao hơn trong các kỳ thi tiêu chuẩn mà còn tiến bộ về học lực, nói chung. Toàn thể ban giảng huấn sát cánh bên nhau để giúp đỡ quý phụ huynh và toàn thể cộng đồng Yerba Buena để bảo đảm thành quả cho tất cả con em chúng ta.

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày về các cơ hội để phụ huynh tham gia các hoạt động của trường, trong đó bao gồm cả địa chỉ liên lạc cho các hoạt động có tổ chức để phụ huynh tham gia.

Cộng đồng học tập Yerba Buena nhờ phụ huynh gắn bó giúp đỡ mà thiết lập được nề nếp làm việc với kỳ vọng phát triển quan hệ giữa con người với nhau với mỗi chú tâm vào tập thể học sinh chúng ta. Suốt năm học, nhà trường đã có năm buổi họp tổng quát với quý phụ huynh mà trọng tâm là gia đình và trường sở. Ngoài ra, chúng tôi cũng tuyển mộ phụ huynh tham dự Hội Đồng Nhà Trường, Ban Cố Vấn Các Học Sinh Thuộc Diện Trau Dồi Anh Ngữ, và Ban Cố Vấn Học Khu/Ban Cố Vấn về Các Học Sinh Trau Dồi Anh Ngữ. Ngoài các buổi họp, nhà trường còn cố gắng tổ chức những buổi gặp gỡ giao tế giữa các phụ huynh để quý vị có thể cộng tác và giúp đỡ nhau.

Muốn biết thêm thông tin về việc tham dự việc trường Yerba Buena, xin quý vị gọi số điện thoại chính của nhà trường là (408) 347-4700.

Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh	Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo		Lớp 8	
Lớp 1		Tiểu Học Không Phân Lớp	
Lớp 2		Lớp 9	433
Lớp 3		Lớp 10	415
Lớp 4		Lớp 11	438
Lớp 5		Lớp 12	411
Lớp 6		Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	
Lớp 7		Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia	1697

Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh	Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	1.7	Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	2.4
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	0.2	Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	0
Người Á châu	28.8	Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	65
Người Phi luật tân	6.2	Những Người Học Tiếng Anh	38
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	59.3	Học Sinh Khuyết Tật	7
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	1.1		

Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bỏ Sĩ Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2007-08				2008-09				2009-10			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	24.9	25	52	5	23.7	28	56		27.8	7	41	8

Toán	26.3	13	50	3	24.4	25	48	4	27.0	16	34	9
Khoa Học	27.7	8	35	5	26.7	9	31	3	28.9	1	32	9
Khoa Học Xã Hội	28.7	3	40	8	28.4	5	38	3	30.1	4	19	17

III. Bầu Không Khí Nhà Trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Ban An Toàn Trường Sở của Trường Trung Học Yerba Buena đã phát thảo kế hoạch an toàn và theo dõi việc thi hành kế hoạch này. Kế hoạch này bao gồm mọi thứ, từ ngăn ngừa bạo lực cho đến chuẩn bị chống động đất. Kế hoạch an toàn được cập nhật và duyệt xét hằng năm. Ban An Toàn của Phụ Huynh và Cộng Đồng ở cấp độ học khu là nhân tố quan trọng chi phối kế hoạch này. Mọi thông tin đều được phổ biến tại các buổi họp và góp phần vào việc cập nhật các vấn đề an toàn ở mỗi trường.

Đình Chi Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường học chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Đình Chi Học Tập	53.7	11.2	16.9	30.0	16.9	12.5
Đuổi Học	0.2	0.1	0	0.1	0.1	0.2

IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2010-11)

Mục này trình bày về tình trạng sân trường, các tòa nhà, và nhà vệ sinh dựa trên dữ liệu hiện có mới đây nhất, và phần trình bày về bất kỳ dự án cải tiến cơ sở vật chất nào được dự định sẽ thực hiện hoặc mới được hoàn tất.

Khái quát

Học khu nỗ lực bảo đảm là các trường đều sạch sẽ, an toàn, và làm việc đúng mức. Để thực hiện những điều này, học khu áp dụng chính sách thăm dò các cơ sở vật chất mà Phòng Xây Dựng Các Trường Công Lập Tiểu Bang California đề ra. Văn phòng nhà trường và văn phòng học khu luôn có sẵn những kết quả thăm dò này.

Tiến Trình và Lịch Trình Làm Sạch Nhà Trường

Hội Đồng Quản Trị Học Khu đã chấp thuận các tiêu chuẩn làm sạch sẽ mọi trường trong học khu. Ban lãnh đạo ngày ngày sát cánh với ban tạp dịch để hoạch định giờ giấc lau chùi dọn dẹp để trường sở lúc nào cũng sạch sẽ và an toàn.

Ngân Sách Bảo Toàn Trả Chậm

Học khu tham dự Chương Trình Bảo Toàn với Ngân Sách Trả Chậm của Tiểu Bang. Ngân sách này cung ứng những tài khoản chi trả thích đáng từng đồng một để giúp các học khu chi trả những mục sửa chữa lớn hoặc thay thế những bộ phận nhà cửa hiện thời. Điển hình là làm mái, ống nước, các hệ thống nhiệt, điện, lạnh, sơn trong, ngoài và thay thảm mới.

Trường, Lớp Cũ Kỹ

Trường Trung Học Yerba Buena đã qua năm giảng dạy thứ 38. Toàn trường hiện đang được sửa mới bằng cách ngân quỹ thuộc Sắc Luật E. Việc xây mới các lớp học ở khu khoa học (tòa nhà 600), khu toán (tòa nhà 200), và khu khoa học xã hội (tòa nhà 300) đã được hoàn tất với 49 phòng học xây mới. Các máy điện toán trong lớp đã được thay thế hoặc nâng cấp để hoạt động được với những tính năng mới, phụ trách việc điểm danh, truy cập các nguồn thông tin điện tử và gửi điện thư cho giáo sư. Sân vận động nhà trường đã xây mới xong, bao gồm sân điền kinh ngoài trời và những

khán đài bình dân mới. Mặt tiền nhà trường được xây mới, thêm chỗ đậu xe cho khách khứa.

Các Dự Án Bảo Trì

Cây cối đã được tỉa rất nhiều trong mùa hè năm 2007. Cây mọc trùm lum là hiểm họa đối với sự an toàn trong thời tiết mùa đông. Một số cây bệnh đã được nhổ bỏ. Đồng thời, vào mùa hè mái toà nhà 700 đã được thay mới.

Các Dự Án Xây Mới

Dự án xây mới toà nhà 700 và phòng chứa đồ học sinh trong khu thể dục sẽ bắt đầu vào niên khoá 2010-2011. Phòng Cố Vấn sẽ được dời ra mặt tiền nhà trường, cùng khu với các văn phòng quản trị để tiện phục vụ mọi người hơn. Ngoài những dự án này, các mái hứng năng lượng mặt trời sẽ được lắp đặt trên sân đậu xe chính.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2010-11)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Những mục đã thanh tra	Tình trạng Sửa Chữa			Cần sửa, đã sửa, hoặc dự tính sửa
	Tốt	Tạm được	Xấu	
Xi ga	x			
Các hệ thống cơ khí	x			
Cửa sổ/cửa ra vào/cổng (bên trong và bên ngoài)	80%		20%	Nhà thể dục nhỏ cần nhiều cửa sổ và cửa ra vào mới. Sẽ thực hiện việc này khi có ngân quỹ.
Bề mặt bên trong phòng (tường, nền nhà, và trần nhà)	80%	10%	10%	Cần thay thảm. Sẽ thực hiện việc này khi có ngân quỹ.
Vật liệu dễ gây hiểm họa (bên trong và bên ngoài)	x			
Hư hại về cấu trúc	x			Các xà nhà đã được sửa chữa hoặc thay mới ở các khu 100 và 700. Sẽ sửa chữa hoặc thay mới thêm khi có ngân quỹ.
An toàn phòng hỏa	x			
Điện (bên trong và bên ngoài)		x		Tổng đài chính được sửa chữa vào tháng 12 năm 2007. Năm 2011 sẽ phải sửa lại.
Chuột bọ		x		
Máy nước uống (bên trong và bên ngoài)		x		Trường luôn tu sửa các máy nước uống khi cần thiết.
Phòng vệ sinh	x			Các phòng vệ sinh có những chỗ cần thay mới. Một nhà vệ sinh sẽ thay xong vào tháng 2 năm 2010. Sẽ thay tiếp khi có ngân quỹ.
Cống rãnh	x			
Sân chơi/Sân trường	x			
Những mục khác	x			Một số tòa nhà cần sơn lại. Sẽ sơn khi có ngân quỹ.
Đánh giá chung	x			

V. Giáo Viên

Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bảng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán *DataQuest* của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2007-08	2008-09	2009-10	2009-10
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	76	77	78	1065
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	7	6	3	63
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	0	0	0	không áp dụng

Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: *Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép* bao gồm cả số *Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép*.

Yếu Tố Chỉ Báo	2008-09	2009-10	2010-11
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	6	0	1
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	6	0	1
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Các Buổi Học Chính do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này cho biết mức phần trăm số buổi học của các môn học chính do Các Giáo Viên Giỏi giảng dạy, theo định nghĩa trong Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học (ESEA), ở một trường, ở tất cả các trường trong khu học chánh, ở các trường có nhiều học sinh nghèo khó trong khu học chánh, và ở các trường có tỷ lệ học sinh nghèo khó thấp trong khu học chánh. Các trường có nhiều học sinh nghèo khó được định nghĩa là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo khó thấp là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 25% hoặc ít hơn. Quý vị có thể tìm hiểu thêm các tiêu chuẩn trình độ của giáo viên theo luật ESEA trên trang Web về Cải Tiến Chất Lượng dành cho Hiệu Trưởng và Giáo Viên của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Không Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
Trường Đây	94	6
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	97	3
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	95	5
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	99	1

VI. Nhân Viên Trợ Giúp

Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	1.6	975
Chuyên Gia Cố Vấn (Phát Triển Nghề Nghiệp hoặc Giao Tiếp/Hành Vi)		không áp dụng
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư)		không áp dụng

Viện)		
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán nghiệp dư)		không áp dụng
Tâm Lý Gia		không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá		không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác		không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)		không áp dụng
Nhân Viên Khác		không áp dụng

VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2010-11)

Bảng này trình bày thông tin về chất lượng, mức độ phổ biến, và tình trạng có sẵn của các loại sách giáo khoa theo tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường; các cuốn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy này có phải là tài liệu được phê chuẩn gần đây nhất hay không (có/không); và thông tin về việc trường sử dụng các giáo trình trợ giúp giảng dạy hoặc các cuốn sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy không được phê chuẩn hay không.

TÊN BỘ MÔN VÀ SÁCH SỬ DỤNG	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIỂU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG	SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY MỚI NHẤT ĐƯỢC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG HOẶC SBE PHÊ CHUẨN
ANH VĂN				
Anh ngữ 1 – “The Language of Literature Grade 9”	McDougal Littell	2002	0	có
Anh ngữ 2 – “The Language of Literature 4 th Course”	McDougal Littell	2002	0	có
Anh ngữ 3 – “Timeless Voices Timeless Themes Am. Experience”	Prentice Hall	2000	0	có
Anh ngữ 4 – “The Language of Literature World” World Literature	McDougal Littell	2002	0	có
TOÁN				
Đại số I – “Algebra 1”	McDougal Littell	2007	0	có
Hình học – “Geometry”	McDougal Littell	2007	0	có
Đại số II – “Algebra 2”	McDougal Littell	2007	0	có
Toán tích phân – “Precalculus With Limits”	Houghton Mifflin	2001	0	có
KHOA HỌC				
Khoa học kết hợp 1 – “Spectrum Physical Approach/Science/Explorations”	Holt	2001, 03, 04	0	có

Sinh học – “Biology: Web of Life; Holt Biology”	Holt	1998, 99, 04	0	có
Hóa học – “Chemistry: Connections to our Changing World”	Prentice-Hall	2000, 2002	0	có
ChemCom, 5 th ed.	Kendall/ Gill	2006	0	có
Vật lý – “Physics: Principles and Problems”	Merrill/Glencoe	1983, 95, 02	0	có
KHOA HỌC XÃ HỘI				
Sử thế giới – “Modern World History”	McDougal-Littell	2003	0	có
Sử Hoa Kỳ – “The American Vision”	Glencoe	2006	0	có
Chính phủ Mỹ – “Magruder’s American Government”	Prentice Hall	1997	0	có
Chính phủ Mỹ – “We The People”	Center for Civic Education	2002	0	có
TÊN BỘ MÔN	PHẨM CHẤT, MỨC ĐỘ THÌNH HÀNH, VÀ TÌNH TRẠNG SẴN CÓ CỦA CÁC SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIẾU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG	SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY MỚI NHẤT ĐƯỢC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG HOẶC SBE PHÊ CHUẨN	
NGOẠI NGỮ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	có	
KHOA HỌC Y TẾ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	có	
NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN & TẠO HÌNH	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	có	
THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA HỌC	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đúng mức	0	có	

VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2008-09)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trội/Giới Hạn)	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	8670	2239	6430	83094
Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	6130	79216
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm - Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	5%	5%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	5681	65959
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm - Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	12%	21%

Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp thông tin về các chương trình và các dịch vụ phụ trợ (ví dụ, như thông tin về các dịch vụ phụ đạo liên quan tới tình trạng Cải Tiến Chương Trình theo luật liên bang của trường đó), được cung cấp tại trường qua ngân khoản theo hạng mục hoặc các nguồn khác.

Thu thập các số liệu về hiện trạng học sinh với ba trình độ Core (Vừa tầm), Strategic (Chú trọng), hoặc Intensive (Chú trọng Tích cực)

Ghi danh các học sinh thuộc diện Chú trọng (Strategic) vào các lớp Anh Ngữ 1 và Anh Ngữ Luyện Thi CAHSEE

Luyện Anh Ngữ trong chương trình Tập Đọc 180

Ghi danh các học sinh thuộc diện Chú trọng Tích cực (Intensive) vào lớp Anh văn LA3 với chương trình Tập Đọc 180. Các chương trình học cứu điểm Anh ngữ

Áp dụng các chương trình học kèm/học ngoài giờ (Homework Center, AVID, Luyện thi CAHSEE, MESA, và học kèm ngoài giờ Project Inspire do nhân viên YWCA phụ trách).

Các khoa giáo sẽ phát triển việc lượng giá chung vào cuối khóa học, kết hợp các Tiêu Chuẩn Anh ngữ có trong các bài thi CAHSEE.

Áp dụng kỹ thuật "Tiếp Cận Trình Độ và Nêu Ra Sự Khác Biệt (Scaffolding and Differentiate) chiếu theo chỉ thị của học khu về việc giảng dạy tiếng Anh.

Tiếp tục thi hành các chương trình đi học ngày thứ bảy và can thiệp phục hồi những học sinh nghiện hút.

Tiếp tục áp dụng chương trình giúp đỡ học sinh học tại nhà.

Cung cấp các dịch vụ chi tiết giúp đỡ phụ huynh và học sinh.

Các dịch vụ do Nhóm Đa Dịch Vụ thực hiện.

Theo dõi khuôn viên nhà trường.

Tu vấn cho từng thành phần nhỏ học sinh.

Các dịch vụ giúp đỡ và luyện cho phụ huynh đọc thông viết thạo.

Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về lương bổng của khu học chánh dành cho các giáo viên, hiệu trưởng, và giám đốc học khu, và so sánh với mức trung bình của tiểu bang dành cho các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Bảng này cũng trình bày về mức lương của giáo viên và nhân viên hành chánh dưới hình thức phần trăm ngân sách của khu học chánh và so sánh các con số này với mức trung bình trên toàn tiểu bang đối với các khu học chánh có cùng qui mô và

hình thức hoạt động. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về mức lương trên Trang Mạng Điện Toán của Lương Bảng và Quyền Lợi thuộc CDE Được Xác Nhận tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	48434	43096
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	79527	70018
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	98141	89675
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	không áp dụng	không áp dụng
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	không áp dụng	không áp dụng
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	126763	128615
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	239188	204469
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	39.6	không áp dụng
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh	3.9	không áp dụng

IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Báo Cáo và Khảo Thí Được Tiêu Chuẩn Hóa (STAR) bao gồm nhiều phần chính, trong đó bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California (CST); Thảm Định Tu Chỉnh của California (CMA), và Thảm Định Kết Quả Hoạt Động Thay Thế Khác của California (CAPA). Các cuộc thảm định theo chương trình STAR cho biết kết quả thành tích của học sinh dựa trên các tiêu chuẩn về nội dung môn học của tiểu bang. Các CST bao gồm Anh ngữ-văn khoa ngôn ngữ (ELA) và toán cho các lớp từ hai tới bảy; khoa học cho lớp năm, tám và chín cho tới lớp mười một; và lịch sử-khoa học xã hội cho các lớp tám và chín cho tới mười một. CAPA gồm có ELA và toán cho các lớp từ hai tới mười một, và khoa học cho các lớp năm, tám và mười. CAPA dành cho các học sinh có tình trạng khuyết tật về nhận thức nghiêm trọng, là những em có tình trạng khuyết tật khiến các em không thể dự các kỳ thi CST với phương tiện trợ giúp đặc biệt hoặc điều chỉnh, hoặc CMA với phương tiện trợ giúp đặc biệt. CMA là dạng thảm định thay thế dựa trên các tiêu chuẩn về thành tích học tập đã được sửa đổi cho môn ELA dành cho các lớp từ ba tới chín, toán cho các lớp từ ba tới bảy và Đại Số I và khoa học cho các lớp năm, tám và mười. CMA được thiết kế để đánh giá những học sinh có tình trạng khuyết tật khiến các em không thể đạt được mức độ thành thạo theo cấp lớp trong kỳ thảm định các tiêu chuẩn nội dung môn học của tiểu bang California, cho dù có hoặc không có các phương tiện trợ giúp đặc biệt. Trong mỗi kỳ thảm định này, điểm của học sinh được báo cáo dưới dạng trình độ học tập. Để biết thông tin chi tiết về kết quả Chương Trình STAR cho mỗi cấp lớp và trình độ học tập, trong đó bao gồm cả số phần trăm học sinh không dự thi, vui lòng tới trang mạng điện toán về Kết Quả Báo Cáo và Khảo Thí Tiêu Chuẩn (STAR) của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chương trình về Chương Trình STAR trong tài liệu cẩm nang hướng dẫn Giải Trình Kết Quả Tóm Lược về Chương Trình STAR năm 2009 dành cho Công Chúng tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/pkt5intrpts09.pdf>.

Ghi chú: Điểm số không được cho thấy khi số học sinh thi từ mười người trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ nên không chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo vì sẽ vô tình hay cố ý công bố điểm số hoặc thành tích của bất kỳ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Văn Khoa Anh Ngữ	31	32	36	44	47	48	46	50	52
Toán	19	23	22	23	26	27	43	46	48
Khoa Học	19	26	21	44	45	46	46	50	54
Lịch Sử Xã Hội Học	18	20	26	34	39	39	36	41	44

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày phần trăm học sinh, tính theo nhóm, đạt kết quả Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang) trong kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Tất Cả Các Học Sinh tại LEA	48	27	37	40
Tất Cả Các Học Sinh ở Trường	36	22	21	26
Nam	34	23	27	30
Nữ	38	21	13	22
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	45	0	không áp dụng	không áp dụng
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người Á châu	59	41	42	42
Người Phi luật tân	62	35	32	42
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	21	11	10	17
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người da trắng	58	16	không áp dụng	không áp dụng
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	33	20	19	25
Các Học Viên Anh Ngữ	10	16	3	11
Học Sinh Bị Khuyết Tật	28	34	8	10
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	8	9	không áp dụng	không áp dụng

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Ra Trường Cấp Trung Học California (CAHSEE) chủ yếu sử dụng dưới dạng yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được sử dụng để xác định số phần trăm học sinh ở ba cấp trình độ thông thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc giỏi) trong môn ELA và toán để tính toán sắp xếp các mức Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) theo Đạo Luật NCLB của liên bang ban hành năm 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại

<http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học California dành cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp Mười - So Sánh Ba Năm (nếu thích hợp)

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa ELA và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Anh Ngữ - Văn Khoa	34.7	37.9	37	55.1	55.1	58.0	52.9	52.0	54.0
Toán	45.1	54.0	39	59.6	59.6	58.0	51.3	53.3	53.0

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học Lớp Mười của Tiểu Bang California theo Nhóm Học Sinh - Năm Gần Đây Nhất (nếu thích hợp)

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa ELA và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Các Học Sinh tại LEA	44	24	32	42	35	23
Tất Cả Các Học Sinh ở Trường	64	21	16	61	26	13
Nam	61	24	15	55	29	16
Nữ	66	18	16	68	22	10
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	*	*	*	*	*	*
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*	*	*
Người Á châu	41	25	33	32	34	33
Người Phi luật tân	33.3	41.7	25	39.1	47.8	13
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	78	17	5	78	18	4
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	*	*	*	*	*	*
Người da trắng	*	*	*	*	*	*
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	67	21	12	62	26	12
Các Học Viên Anh Ngữ	82	13	5	71	22	7
Học Sinh Bị Khuyết Tật	93.1	6.9	0	96.6	3.4	0
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	*	*	*	*	*	*

Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2009-10)

Kỳ Thi Thể Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thể Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
9	10.3	31.2	50.0

X. Trách Nhiệm

Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API

cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 “trường tương tự” giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2007	2008	2009
Trên Toàn Tiểu Bang	2	3	3
Các Trường Tương Tự	3	3	5

Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, . Lưu ý: "N/A" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đồng.

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế		
	2007-08	2008-09	2009-10
Tất Cả Học Sinh trong Trường	14	16	11
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người Á châu	38	3	4
Người Phi luật tân	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	8	20	10
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người da trắng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	9	17	16
Những Người Học Tiếng Anh	5	7	23
Học Sinh Khuyết Tật	không áp dụng	14	không áp dụng

Mức Tăng Chỉ Số Kết Quả Học Tập theo Nhóm Học Sinh - So Sánh API Tăng Trưởng 2010

Bảng này trình bày tỷ lệ API Tăng Trưởng 2010, theo nhóm học sinh, ở cấp trường, LEA, và tiểu bang.

Nhóm Học Sinh	API Tăng Trưởng Năm 2010		
	Trường	LEA	Tiểu Bang
Tất Cả Học Sinh trong Trường	673	736	729
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	không áp dụng	674	638
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	703
Người Á châu	775	848	857
Người Phi luật tân	không áp dụng	786	812
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	591	648	672
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	690	706
Người da trắng	không áp dụng	786	801
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	747	747
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	648	687	669
Những Người Học Tiếng Anh	590	633	626
Học Sinh Khuyết Tật	không áp dụng	453	494

Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học của Liên Bang qui định tất cả các trường và khu học chánh phải đạt các tiêu chí về Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

- Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
- Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
- API là công cụ chỉ báo bổ sung
- Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2009-10)

Bảng này cho biết trường và khu học chánh có đạt AYP nếu xét toàn diện và trường và khu học chánh có đạt từng tiêu chí trong số sáu tiêu chí AYP nói trên hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	không	không
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	có	không
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	có	có
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	không	không
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	không	không
API	có	có
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	có	có

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2010-11)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ ELA hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	"In PI"	"In PI"
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2009-2010	2004-2005
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	"Year 2"	"Year 3"
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	9
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	60

XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

University of California

Các yêu cầu về nhập học đối với University of California (UC) theo đúng các qui định hướng dẫn trong Kế Hoạch

Chính. Kế hoạch này qui định một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học giỏi nhất của tiểu bang, cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công khóa học đại học nhất định, sẽ hội đủ điều kiện được nhận vào trường UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài với trình độ

Đại Học. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>. (Nguồn Bên Ngoài)

California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì sĩ số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đương đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>. (Nguồn Bên Ngoài)

Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán *DataQuest* của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chi Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	5.9	5.5	6.5	5.1	5.2	5.6	5.5	4.9	5.7
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	67.0	70.9	74.6	73.9	72.3	72.9	80.6	80.2	78.5

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Bảng này mô tả theo nhóm học sinh tỷ lệ phần trăm số học sinh bắt đầu năm học 2009–10 ở lớp mười hai và nằm trong khóa tốt nghiệp gần đây nhất của trường, đáp ứng tất cả các yêu cầu tốt nghiệp của địa phương và tiểu bang để hoàn thành lớp mười hai, trong đó bao gồm cả việc vượt qua phần thi môn ELA và toán trong CAHSEE hoặc được miễn theo luật tiểu bang hoặc diện miễn trừ theo luật địa phương.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2010		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Học Sinh trong Trường	75	84	không áp dụng
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	50	79	không áp dụng
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	88	không áp dụng
Người Á châu	85	93	không áp dụng
Người Phi luật tân	88	91	không áp dụng
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	68	73	không áp dụng
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	89	không áp dụng
Người da trắng	57	87	không áp dụng
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	73	78	không áp dụng
Những Người Học Tiếng Anh	60	52	không áp dụng
Học Sinh Khuyết Tật	45	62	không áp dụng

Chương Trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp thông tin về các chương trình Kỹ Thuật Dạy Nghề (CTE) và liệt kê các chương trình do khu học chánh cung cấp, phù hợp các tiêu chuẩn về giáo trình giảng dạy mẫu. Danh sách này nhận biết các khóa học do các trung tâm hoặc chương trình giáo dục dạy nghề khu vực tiến hành và các khóa học do khu học chánh trực tiếp tiến hành. Mục này cung cấp danh sách đại diện chính của ủy ban cố vấn kỹ thuật dạy nghề của khu học chánh và các ngành nghề có tên trong danh sách.

Trường Yerba Buena giảng dạy những bộ môn giúp tất cả mọi học sinh sẵn sàng làm việc ngoài đời. Đó là những môn

học kỹ thuật mà tiếng Anh gọi là Career Technical Education, gọi tắt là CTE, mà trước kia gọi là giáo dục hướng nghiệp, mà học sinh có thể học.

Các bộ môn/chương trình gồm có:

Kỹ Thuật
Công Nghệ Xây Dựng

Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	317
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	19%
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	100%

Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán *DataQuest* của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	95.6
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	26.3

Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về sĩ số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán *DataQuest* của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán	0	không áp dụng
Tiếng Anh	2	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn	1	không áp dụng
Ngoại Ngữ	1	không áp dụng
Toán	2	không áp dụng
Khoa Học	1	không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	1	không áp dụng
Tất cả các khóa học	8	11.0

XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Tu nghiệp là dịp cho nhân viên nhà trường phát triển đa dạng, rõ ràng và bám sát các tiêu chuẩn giáo dục mà tiểu bang đề ra cũng như duy trì được những giá trị nòng cốt của nhà trường. Mặc dù hằng năm giáo sư chỉ được 2 ngày tu nghiệp, nhà trường vẫn dành nhiều cơ hội khác để giáo sư phát triển nghề nghiệp trong suốt năm học và vào dịp hè.

Trường chúng tôi có kế hoạch tu nghiệp rất chặt chẽ và chi tiết bám sát từng số liệu liên quan mật thiết với các phương pháp dạy giỏi học chăm. Không những giáo sư và nhân viên nhà trường có nhiều dịp tu nghiệp tại trường mà còn có nhiều cơ hội tu nghiệp tại học khu. Ngoài ra, nhiều giáo sư còn được tham dự các lớp tu nghiệp ở những trường đại học và đại học cộng đồng ở địa phương và dự các buổi hội thảo do Sở Giáo Dục Hạt Santa Clara tổ chức. Các buổi hướng dẫn của Chương Trình Giúp Đỡ và Lượng Giá Giáo Sư Mới rất hữu ích cho các nhà giáo dục mới vào nghề. Nhà trường đã thiết lập và áp dụng thành công khuôn mẫu tu nghiệp cho toàn thể nhân viên. Tu nghiệp toàn trường và theo từng khoa thường xuyên được tổ chức để giáo sư có dịp tiếp tục phát triển nghề nghiệp hầu đẩy mạnh mọi nỗ lực toàn trường sao cho theo đúng những tiêu chuẩn giáo trình từng môn học cam go mà tiểu bang đề ra, đồng thời cũng giúp mọi học sinh đọc thông viết thạo và học hỏi tinh tường để thành đạt.

Để bảo đảm chu kỳ liên tục cải tiến, việc tu nghiệp bám sát từng người để đáp ứng nhu cầu của tất cả giáo sư các bộ môn cũng như của các nhân viên và quản trị viên nhà trường. Sinh hoạt tu nghiệp giáo sư không chỉ phản ánh quan niệm dạy giỏi mà còn chấp chỉ nghiêm minh những tiêu chuẩn Nghề Giáo mà tiểu bang California đề ra. Giáo sư và nhân viên cùng nhau tu nghiệp đúng lãnh vực công việc của mình mà cũng theo đúng mọi cấp độ mà học khu hoạch định. Trong phạm vi nhà trường, việc tu nghiệp được sắp đặt theo mục tiêu tổng quát (ví dụ giảng dạy theo đúng các tiêu chuẩn), và theo các khía cạnh chuyên biệt của chương trình tu nghiệp (ví dụ các phương pháp giảng dạy cá biệt), mỗi mỗi đều được cá nhân hóa cho từng người đáp ứng được mọi động cơ và nhu cầu bộ môn chuyên biệt. Thí dụ như về tiếng Anh, giáo sư phải xem xét bài vở học sinh để bảo đảm học sinh ấy học và làm bài đúng phương pháp và hữu hiệu theo các tiêu chuẩn bộ môn mà tiểu bang đề ra, trong khi về giáo dục thể chất thì giáo sư lại duyệt xét các số liệu *FitnessGram (Biểu Đồ Thể Lực)* để theo đó mà tập luyện học sinh với kết quả đúng mức. Học khu cũng dành nhiều cơ hội tu nghiệp khác nhau để mở rộng kiến thức giáo sư, trau dồi kỹ năng điều khiển lớp học, và nâng cao tay nghề giảng dạy bằng những phương pháp tối hảo.